

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2025/HC-PT

Ngày: 13-3-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phùng Anh Dũng**

Các Thẩm phán: ông **Trương Công Thi**

ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** bà **Trần Thị Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số **398/2024/TLPT-HC** ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 488/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà **Lê Thị Thanh T**; cư trú tại: **Xóm A, thôn A, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định**. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Lê Văn K** - **Công ty L**; địa chỉ: **Số E đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk**; (Có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh B**;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông **Nguyễn Tự Công H** – Phó Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh B** là người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh B** (Văn bản uỷ quyền số 20/GUQ-UBND ngày 28/12/2023); (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định;
3. Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông **Bùi Văn C** – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A là người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A; (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ban Q đất thị xã A, tỉnh Bình Định;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Quang T1** – Phó Giám đốc Ban Q đất thị xã A là người đại diện theo uỷ quyền của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã Q (Văn bản uỷ quyền ngày 09/4/2024) (Vắng mặt)

3. Chị **Nguyễn Thị Thu H1**; (Vắng mặt).

4. Anh **Nguyễn Thành N**; (Vắng mặt).

5. Chị **Nguyễn Thị Thu T2**; (Vắng mặt).

Chị **H1**, anh **N** và chị **T2** đồng cư trú tại: Xóm A, thôn A, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

6. Anh **Nguyễn Thành D**; cư trú tại: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện bà **Lê Thị Thanh T** trình bày:

Năm 1993, hộ gia đình ông **Nguyễn Thành C1** (chồng bà **T**) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN) số 01016/QSDĐ/I10.

Trong 04 thửa đất được cấp cho hộ gia đình bà có thửa đất số 141, tờ bản đồ số 06 (viết tắt là thửa đất số 141), diện tích 200m² đất ở (tại thời điểm trên). Qua 30 năm sử dụng ổn định, hộ gia đình bà khai hoang vỡ hoá nên diện tích có cơi nói thêm hiện nay là 234,6m² (theo hồ sơ kỹ thuật đo đạc năm 2021).

Thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636 đoạn qua địa bàn xã N, thị xã A, hộ gia đình bà bị giải phóng mặt bằng thửa đất trên, có diện tích 21,5m x 3,7m = 79,55m². Tuy nhiên, Ban Q đất thị xã A chỉ bồi thường cho hộ gia đình bà 21,5m² với số tiền bồi thường là 21,5m² x 3.000.000 đồng/m² = 64.500.000 đồng; còn thiếu phần diện tích 58,05m², tương ứng với số tiền [(79,55m² x 3.000.000 đồng/m²) - 64.500.000 đồng] = 174.150.000 đồng là không thoả đáng.

Bà đã khiếu nại về việc bồi thường trên đến Ủy ban nhân dân thị xã A (viết tắt là UBND thị xã A). Tại Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 (viết tắt là Quyết định số 6083), Chủ tịch UBND thị xã A không công nhận nội dung khiếu nại của bà. Không đồng ý quyết định trên, bà tiếp tục khiếu nại lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (viết tắt là Chủ tịch UBND tỉnh). Tại Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 (viết tắt là Quyết định số 3668), Chủ tịch UBND tỉnh công nhận và giữ nguyên Quyết định số 6083.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Huỷ Quyết định số 7861/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND thị xã A (viết tắt là Quyết định số 7861).

- Huỷ một phần Quyết định số 7661/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của UBND thị xã A về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà (viết tắt là Quyết định số 7661).

- Huỷ Quyết định số 6083;

- Huỷ Quyết định số 3668;

- Buộc UBND thị xã A thực hiện việc đền bù, hỗ trợ thêm cho hộ bà tương ứng với diện tích đất bị thu hồi 79,55m² với tổng số tiền là 238.650.000 đồng.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính, bản sao quyết định hành chính bị kiện, người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu, chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Nguyễn Tự Công H – Phó Chủ tịch UBND tỉnh trình bày:

[1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Thửa đất hiện nay bà Lê Thị Thanh T khiếu nại là thửa đất số 141, (Bản đồ địa chính năm 1992), diện tích 200m², loại đất ở, có nguồn gốc của vợ chồng ông Nguyễn Thành C1 và bà Lê Thị Thanh T sử dụng từ trước năm 1990, được UBND thị xã A cấp GCN số 01016/QSDĐ/I10 ngày 13/11/1992.

Theo Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2021 (phục vụ Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636), thửa đất số 141 được đo đạc, chỉnh lý thành thửa đất số 17, mảnh trích đo số 09 (viết tắt là thửa đất số 17), diện tích 234,6m², loại đất ONT. Diện tích chênh lệch tăng so với diện tích ghi trong GCN nêu trên là 34,6m², do gia đình bà T lấn, chiếm đất nương (phần diện tích này được xác định nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án).

Thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Đ, hộ bà T bị thu hồi một phần thửa đất số 141, diện tích đất thu hồi là 21,5m² và diện tích đất còn lại sau khi thu hồi là 213,1m² (trong đó có diện tích 34,6m² lấn, chiếm đất nương).

[2] Về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và thu hồi đất:

Về thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định sau:

- Quyết định số 4791/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636.

- Quyết định số 4880/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 về việc phê duyệt thiết kế Bản vẽ thi công và dự toán công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636.

Về thực hiện bồi thường, hỗ trợ và thu hồi đất, UBND thị xã A đã ban hành các văn bản sau:

- Thông báo số 4911/TB-UBND ngày 12/4/2021 về việc thu hồi 21,5m² đất tại thửa đất số 141 của hộ bà T để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636.

- Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để phục vụ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng các dự án, công trình trên địa bàn **thị xã A**.

- Quyết định số 7661 về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; trong đó hộ bà **T** được bồi thường, hỗ trợ với số tiền 79.849.320 đồng; cụ thể: Bồi thường, hỗ trợ về đất ở 64.500.000 đồng ($21,5m^2 \times 3.000.000$ đồng/ m^2); bồi thường vật kiến trúc 14.354.320 đồng (gồm sân xi măng, giếng đóng và hiên chài); bồi thường về cây cối, hoa màu 995.000 đồng.

- Quyết định số 7861 về việc thu hồi $21,5m^2$ đất ở tại một phần thửa đất số 141 của hộ bà **T** để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636.

Hộ bà **T** không đồng ý phương án bồi thường được duyệt nêu trên nên Chủ tịch **UBND thị xã A** đã ban hành Quyết định số 7792/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của hộ bà **T** theo quy định.

Ngày 08/3/2023, **UBND thị xã A** ban hành Kế hoạch số 36/KH-UBND về việc tổ chức thi hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà **T** và Thông báo số 261/TB-UBND ngày 30/3/2023 về việc tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà **T**, thời gian thực hiện cưỡng chế vào ngày 07/4/2023.

Ngày 07/4/2023, bà **T** đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án được duyệt và bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thi công Tuyến đường ĐT 636.

[3] Kết quả giải quyết khiếu nại:

Ngày 06/7/2023, Chủ tịch **UBND thị xã A** ban hành Quyết định số 6083 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà **T**, với nội dung *“Không công nhận toàn bộ nội dung đơn của bà **Lê Thị Thanh T** khiếu nại, yêu cầu bồi thường đủ diện tích $75m^2$ đất bị ảnh hưởng Dự án nâng cấp, mở rộng Tuyến đường ĐT.636”*.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch **UBND thị xã A**, bà **T** tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, rà soát hồ sơ, kết quả đối thoại và đề xuất của **Sở T3** tỉnh tại Văn bản số 184/BCSTNMT ngày 20/9/2023 và Văn bản số 3293/STNMT-TTRA ngày 02/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3668 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà **T**, với nội dung *“Việc bà **Lê Thị Thanh T** khiếu nại, yêu cầu tính toán bồi thường đủ diện tích $75m^2$ đất bị thu hồi cho hộ gia đình bà là không có cơ sở để xem xét, giải quyết; vì:*

*+ Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2021, thể hiện: Thửa đất số 17 (đo đạc, chỉnh lý từ thửa đất số 141 nêu trên), mảnh trích đo số 09, diện tích $234,6m^2$ của hộ bà **Lê Thị Thanh T** sử dụng, bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng với diện tích $21,5m^2$, do đó chỉ thu hồi $21,5m^2$ và bồi thường $21,5m^2$ là đúng theo quy định. Diện tích đất còn lại sau khi thu hồi $213,1m^2$ (trong đó có diện tích $34,6m^2$ lấn chiếm đất mương ngoài phạm vi ảnh hưởng giải phóng mặt bằng thực hiện dự án).*

*+ Kết quả kiểm tra hiện trường, hộ bà **Lê Thị Thanh T** không ảnh hưởng đến công trình nhà ở (chỉ ảnh hưởng công trình, vật kiến trúc gồm: Sân xi măng, giếng đóng và hiên chài theo phương án được duyệt).*

- Việc Chủ tịch UBND thị xã A ban hành Quyết định số 6083 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Lê Thị Thanh T là đúng quy định của pháp luật”.

Từ những căn cứ trên, Quyết định số 3668 được ban hành đúng quy định. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu huỷ quyết định trên. Ngoài ra, Chủ tịch UBND tỉnh không có yêu cầu độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện, ông Bùi Văn C – Phó Chủ tịch UBND thị xã A trình bày:

Ông thống nhất với nội dung trình bày của ông Nguyễn Tụ Công H – Phó Chủ tịch UBND tỉnh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và thu hồi đất; kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thị xã A theo Quyết định số 6083 đối với hộ bà T khi thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636.

Quyết định số 7861; một phần Quyết định số 7661 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà T; Quyết định số 6083 được ban hành đúng quy định. Do đó, Chủ tịch UBND thị xã A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu Toà án huỷ các quyết định trên và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu Toà án buộc UBND thị xã A thực hiện việc đền bù, hỗ trợ thêm cho hộ bà tương ứng với diện tích đất bị thu hồi 79,55m² với tổng số tiền là 238.650.000 đồng.

Ngoài ra, UBND thị xã A và Chủ tịch UBND thị xã A không có yêu cầu độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Quang T1 – Phó Giám đốc Ban Q đất thị xã A trình bày:

Ông thống nhất với nội dung trình bày của ông Nguyễn Tụ Công H – Phó Chủ tịch UBND tỉnh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và thu hồi đất đối với hộ bà T khi thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, Ban Q đất thị xã A đề nghị Toà án giải quyết theo quy định. Ngoài ra, Ban Q đất thị xã A không có yêu cầu độc lập nào khác.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Ông Võ Tiến S – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N trình bày:

Ông thống nhất với nội dung trình bày của ông Nguyễn Tụ Công H – Phó Chủ tịch UBND tỉnh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất bị ảnh hưởng thu hồi của hộ bà T khi thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, UBND xã N đề nghị Toà án giải quyết theo quy định. Ngoài ra, UBND xã N không có yêu cầu độc lập nào khác.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các anh chị Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thành N, Nguyễn Thị Thu T2 và Nguyễn Thành D thống nhất trình bày:

Các anh chị là con của bà **Lê Thị Thanh T.** Các anh chị thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà **T.** Ngoài ra, không ai có trình bày và yêu cầu độc lập nào khác.

Tại Bản án số: 42/2024/HC-ST ngày 16 - 9 – 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Thanh T** về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 7861/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Một phần Quyết định số 7661/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà **Lê Thị Thanh T.**

- Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Thanh T** về việc yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định thực hiện việc đền bù, hỗ trợ thêm cho hộ bà tương ứng với diện tích đất bị thu hồi 79,55m² với tổng số tiền là 238.650.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người kháng cáo có đơn kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Những người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 157 và 158 của Luật Tố tụng hành chính, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[1.2]. Vào các ngày 19/10/2023, 14/11/2023 và 18/12/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định nhận được đơn khởi kiện và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung của bà **Lê Thị Thanh T** về việc yêu cầu Tòa án yêu cầu giải quyết:

- Hủy Quyết định số 7861; hủy một phần Quyết định số 7661 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà; hủy Quyết định số 6083; hủy Quyết định số 3668.

- Buộc UBND thị xã A thực hiện việc đền bù, hỗ trợ thêm cho hộ bà tương ứng với diện tích đất bị thu hồi 79,55m² với tổng số tiền là 238.650.000 đồng.

2. Xét kháng cáo của người khởi kiện thì thấy:

[2.1]. Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn ban hành:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T4 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ T4 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính thì hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn ban hành Quyết định số 7861, Quyết định số 7661, Quyết định số 6083 và Quyết định số 3668 là đúng quy định.

[3]. Xét tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung các quyết định hành chính:

[3.1]. Thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Đ, hộ bà T bị thu hồi một phần thửa đất số 141. Theo Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2021 (phục vụ Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636), thửa đất số 141 được đo đạc, chỉnh lý thành thửa đất số 17, tổng diện tích thửa đất là 234,6m², loại đất ONT, diện tích thu hồi theo chỉ giới 12m là 21,5m² và diện tích đất còn lại sau khi thu hồi là 213,1m².

Theo GCN số 01016/QSDĐ/I10 do UBND thị xã A cấp ngày 13/11/1992 thì vợ chồng ông Nguyễn Thành C1 và bà Lê Thị Thanh T được quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 141 (Bản đồ địa chính năm 1992), diện tích 200m², loại đất ở.

So sánh diện tích đất theo GCN số 01016/QSDĐ/I10 và Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2021 (phục vụ Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 636) thì diện tích thửa đất số 141 chênh lệch tăng so với diện tích ghi trong GCN nêu trên là 34,6m².

Theo đơn khởi kiện, bà T xác định là trong 04 thửa đất được cấp cho hộ gia đình bà có thửa đất số 141, diện tích 200m² đất ở và qua 30 năm sử dụng ổn

định, hộ gia đình bà khai hoang vỡ hoá nên diện tích có coi nói thêm hiện nay là 234,6m² (theo hồ sơ kỹ thuật đo đạc năm 2021). Diện tích này bà **T** sử dụng ổn định, liên tục và không có tranh chấp.

Theo Hội đồng giải phóng mặt bằng thì từ trước đến nay, hộ bà **T** không đăng ký kê khai cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là hộ bà **T** đã được Nhà nước công nhận diện tích đất tăng thêm so với GCN được cấp. Do đó, Hội đồng giải phóng mặt bằng đã xác định phần diện tích đất tăng thêm 34,6m² do gia đình bà **T** lấn, chiếm đất nương (phần diện tích này được xác định nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng giải phóng mặt bằng dự án). Tuy nhiên, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện bà **T** có hành vi chiếm đất; như bị lập biên bản hoặc bị xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm đất.

3.2. Tại Quyết định số 7861, **UBND thị xã A** đã ban hành quyết định thu hồi 21,5m² đất (loại đất ONT: 21,5m²) của hộ bà **T** thuộc một phần thửa đất số 141, như vậy diện tích đất trong GCNQSDĐ của bà **T** sau khi bị thu hồi phải còn: 200m² - 21,5m² = 178,5m² nhưng tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất thể hiện diện tích đất còn lại trong GCNQSDĐ sau khi thu hồi đất để làm đường là 168,5m², việc tính toán sai diện tích như trên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng đất là bà **T**.

Theo văn bản giải thích số 1399/UBND-NC ngày 27/8/2024 của **UBND Thị xã A** thì hộ bà **Lê Thị Thanh T** nằm trong khu dân cư hiện trạng cũ, thực hiện đo đạc theo phương án 12m: diện tích thu hồi đất 21,5m², tài sản bị ảnh hưởng GPMB gồm: Cây cối, hoa màu, sân xi măng, mái hiên tole và giếng nước đóng (phần B) trong hồ sơ kỹ thuật.

Về diện tích đất 34,6 m² là diện tích đất tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do hộ bà **T** lấn chiếm đất nương ở phía đông thửa đất số 141, tờ bản đồ số 06 (phần diện tích đất này nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng giải phóng mặt bằng của dự án (phần A chỉ giới 15m) là không đúng thực tế.

Tại Hồ sơ kỹ thuật thửa đất thể hiện diện tích đất bị thu hồi chỉ giới 12m là 21,5m² (chỉ giới nằm phía ngoài) được đền bù 3.000.000đ x 21,5m = 64.5000.000đ, còn diện tích đất bị thu hồi chỉ giới 15m là 44,6m² không đền bù về đất do nằm ngoài phạm vi ảnh hưởng của dự án. Việc xác định vị trí phần diện tích bị thu hồi là chưa chính xác, bởi lẽ thửa đất của bà **T** được cấp có diện tích 200m², là thửa đất liền mạch, không bị cắt khúc thành các phần nhỏ, tuy nhiên theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất thể hiện phần diện tích bị thu hồi 21,5m² thuộc chỉ giới thu hồi 12m nằm phía ngoài, sau đó đến phần chỉ giới thu hồi 15m là 44,6m² nằm phía trong và sau đó đến phần diện tích đất còn lại trong sổ của bà **T** là 168,5m².

Trong trường hợp xác định diện tích đất thu hồi của bà **T** là 21,5m² thì vị trí phải nằm ở chỉ giới thu hồi 15m mới đúng. Đồng thời khi xác định diện tích thu hồi đất 21,5 m² của bà **T** thì cần ghi rõ diện tích đất còn lại trong GCNQSDĐ của bà **T** phải là 178,5m² đất ở để sau này bà **T** tiến hành làm lại GCNQSDĐ. Tại biên bản đền bù, sơ đồ kỹ thuật thể hiện phần mái hiên, giếng đóng, sân xi măng nằm ở vị trí A thuộc chỉ giới 15m là phần đất không bị ảnh hưởng của dự án.

Do Quyết định số 7861, UBND thị xã A xác định sai diện tích thu hồi, vị trí đất thu hồi theo hồ sơ kỹ thuật nên dẫn đến các quyết định 7661/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Lê Thị Thanh T, Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định, - Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B cũng sai.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở, cần chấp nhận 1 phần kháng cáo cũng là yêu cầu khởi kiện của bà T, cần huỷ các quyết định hành chính:

- Quyết định số 7861/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Một phần Quyết định số 7661/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Lê Thị Thanh T.

- Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Buộc UBND thị xã H, tỉnh Bình Định ban hành lại quyết định thu hồi đất, xác định rõ diện tích thu hồi, diện tích còn lại sau khi thu hồi đất của bà Lê Thị Thanh T

Về bồi thường vật kiến trúc và cây cối, hoa màu bà T không yêu cầu Toà án xem xét, chỉ yêu cầu Toà án xem xét về phần giá trị bồi thường về đất. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giá trị bồi thường, hỗ trợ về tài sản trên đất.

4. Đối với yêu cầu của bà Lê Thị Thanh T buộc UBND thị xã A thực hiện việc đền bù, hỗ trợ thêm cho hộ bà tương ứng với diện tích đất bị thu hồi 79,55m² với tổng số tiền là 238.650.000 đồng là chưa có cơ sở nên chỉ chấp nhận 1 phần kháng cáo của bà T, huỷ các quyết định hành chính nêu trên để xác định lại diện tích thu hồi, vị trí thu hồi đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất đang sử dụng thực tế..

[5]. Về án phí : Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị Thanh T không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

[6]. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không có cơ sở nên không chấp nhận

[7]. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T là phù hợp 1 phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015

1. Chấp nhận 1 phần kháng cáo của người khởi kiện bà **Lê Thị Thanh T**, sửa Bản án số 42/2024/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Căn cứ vào quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

- Căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Thanh T** về việc yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 7861/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Một phần Quyết định số 7661/QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định về việc bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà **Lê Thị Thanh T**.

- Quyết định số 6083/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 3668/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Thanh T** về việc yêu cầu Tòa án buộc Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định thực hiện việc đền bù, hỗ trợ thêm cho hộ bà tương ứng với diện tích đất bị thu hồi 79,55m² với tổng số tiền là 238.650.000 đồng.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm: Bà **Lê Thị Thanh T** không phải chịu.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng